

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-4-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 792/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ: số 369, tổ 15, ấp P, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị Thanh Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản H giải nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông và bà Phan Thị Thanh Đ tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông và bà Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà Đ không quan tâm gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống từ đó cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thanh Đ. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2002. Các con nay đã

thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa ông S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Phan Thị Thanh Đ được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Thanh Đ kết hôn năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận ông S và bà Đ là vợ chồng. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Văn H, đã thành niên nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Không công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Thanh Đ là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn S yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thanh Đ, bà Đ có nơi cư trú ấp P, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Bị đơn bà Phan Thị Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa ngày 18/3/2021, ông Nguyễn Văn S cho rằng: Ông và bà Phan Thị Thanh Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nhưng khi ông và bà Đ không còn chung sống với nhau thì bà Đ đã mang theo Giấy chứng nhận kết hôn của ông, bà nên ông không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 19/3/2021, thể hiện ông S, bà Đ không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Tại phiên tòa hôm nay, ông S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông và bà Đ xác lập hôn nhân hợp pháp, nên việc ông S và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ

giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng là phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, ông S và bà Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2002. Các con nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ nợ chung: Không có không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với bà Phan Thị Thanh Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Thanh Đ là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Thanh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2002. Các con nay đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận ông Nguyễn Văn S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Thanh Đ vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn S phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0013711 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 22 tháng 10 năm 2020. Ông S đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

